

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/DS -ST

Ngày: 01-8-2024

V/v “*Tranh chấp yêu cầu thực
hiện nghĩa vụ nhận chuyển
giao*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG - TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Hùng Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Khải

Ông Phạm Văn Khuyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2024/TLST-DS ngày 11/01/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2024; Quyết định số 22/2024/QĐST ngày 31/5/2024; Thông báo thời gian mở phiên tòa số ngày 15/7/2024 và Thông báo ngày 25/7/2024 về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm: 1984. Địa chỉ: Thôn S, xã K, huyện C, tỉnh Gia Lai;

- *Bị đơn:* Ông Tống Văn T1, sinh năm: 1960. Địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Tống Văn T2, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Thôn B (thôn A cũ), xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước;

(*Nguyên đơn bà T3, bị đơn ông T4 có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T5 vắng mặt (Lần 02) không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Ánh T6 trình bày:

Do quen biết nên vào ngày 17/11/2022, tại nhà bà Nguyễn Thị Ánh T6, địa chỉ: Thôn S, xã K, huyện C, bà T6 cho anh Tổng Văn T7 vay số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), thời hạn vay là 30 ngày, không tính lãi suất. Việc thỏa thuận cho vay trên có lập giấy vay tiền do anh Tổng Văn T7 viết và ký tên theo giấy vay tiền lập ngày 17/11/2022, nhưng sau khi hết thời hạn vay 30 ngày, thì anh T7 không trả số tiền vay cho bà T6. Do đó bà T7 đã khởi kiện ông T7 và được TAND huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 07/2023/TLST-DS ngày 15/02/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T6 và bị đơn anh Tổng Văn T7. Quá trình Tòa án thụ lý vụ án, ngày 13/3/2023, tại Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai, ông Tổng Văn T8 (ông T8 là bố của nguyên đơn ông Tổng Văn T7) và nguyên đơn bà T6 đã đồng ý tự nguyện thỏa thuận việc chuyển giao nghĩa vụ: Cụ thể ông T8 đồng ý nhận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ số tiền 40.000.000 đồng thay cho con trai là anh T7, tức ông T8 đồng ý phải có nghĩa vụ trả cho bà T6 số tiền 40.000.000 đồng mà anh T7 nợ bà T6. Hai bên cũng thống nhất phương án trả số tiền trên như sau: mỗi tháng ông T8 phải có nghĩa vụ trả cho bà T6 số tiền 1.500.000 đồng cho đến khi trả hết khoản nợ trên, hình thức trả tiền là chuyển vào tài khoản của bà T6 số 7562567568888 của bà T6 mở tại Ngân hàng Q. Thỏa thuận về việc chuyển giao nghĩa vụ được bà T6 và ông T7 ký vào ngày 13/3/2023. Sau đó bà T6 đã rút yêu cầu khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Chư Sê đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định số 06/2023/QĐST-DS ngày 13/3/2023. Thực hiện theo thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ đã ký kết, bên nhận chuyển giao nghĩa vụ là ông T8 đã tự nguyện trả cho bà T6 được 05 lần với tổng số tiền là 7.000.000 đồng. Sau đó, thì ông T8 không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả tiền, cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả tiền cho bà T6, vi phạm cam kết đối với nghĩa vụ mà ông T8 tự nguyện nhận thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay. Đến nay, số tiền còn lại ông T8 chưa trả cho bà T6 là 33.000.000 đồng. Nhận thấy, việc ông T8 vi phạm nghĩa vụ trả tiền xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của bà T6. Do đó theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2023, bà T6 khởi kiện ông T8 để yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Tổng Văn T8 phải có nghĩa vụ trả cho bà T6 số tiền ông T7 đã đồng ý nhận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ thay cho anh Tổng Văn T7 nhưng không thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền còn lại chưa trả là 33.000.000 đồng.

- *Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Tống Văn T8 trình bày:*

Anh Tống Văn T7 là con trai ruột của ông T8, trước đây anh T7 có thời gian sinh sống tại Thôn B, xã A, huyện C, tỉnh Gia Lai và ông T8 cũng có thời gian lên chung sống cùng anh T7 và có biết bà T6 do bà T6 bán quán cà phê giải khát ở gần nhà ông T8 nên có biết bà T6. Trước đó việc vay tiền giữa anh T7 và chị T6 thì ông T8 không biết, nhưng thời gian đó, do ông T8 đang sinh sống cùng với anh T7, khoảng đầu tháng 2/2023 thì Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia lai có thông báo và triệu tập anh T7 lên Tòa án để giải quyết vụ án hợp đồng vay tài sản theo đơn khởi kiện của bà T6, nhưng do anh T7 bận công việc nên không lên Tòa án làm việc được nên ông T8 đã lên Tòa án thì biết được anh T7 có viết và ký giấy vay tiền của bà T6 số tiền vay 40.000.000 đồng vào ngày 17/11/2022, thời hạn vay là 30 ngày, bà T6 cho rằng anh T7 sau khi vay không trả khi đã quá hạn nên đã khởi kiện anh T7 để buộc anh T7 trả nợ. Khi xem giấy vay tiền do bà T6 cung cấp cho Tòa án do xác định đúng là chữ viết và chữ ký của con mình (anh T7) nên ông T8 đã đồng ý thỏa thuận với bà T6 về việc đồng ý nhận thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho anh T7. Cụ thể vào ngày 13/3/2023, tại Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, ông T8 và bà T7 đã tự thỏa thuận, theo đó ông T8 đồng ý phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà T6 thay cho anh T7 số tiền nợ vay 40.000.000 đồng theo giấy vay nợ mà anh T7 đã ký vào ngày 17/11/2022; phương thức trả nợ ông T8 đồng ý mỗi tháng phải trả dần cho bà T6 số tiền 1.500.000 đồng liên tục cho đến khi trả hết nợ, trả qua tài khoản bà T6 số 7562567568888 tại Ngân hàng Q và các bên cam kết nếu vi phạm thì chịu trách nhiệm trước pháp luật. Biên bản thỏa thuận này do ông T8 là bên thay thế thực hiện nghĩa vụ và bà T6 là bên cho vay đã tự nguyện ký kết ngày 13/3/2023, mỗi bên giữ 01 bản. Thực hiện thỏa thuận nêu trên, ông T8 đã tự nguyện đồng ý trả tiền cho bà T6 vào các ngày 25/3/2023; 09/5/2023; 09/6/2023; 14/7/2023 và vào tháng 8 năm 2023, tổng cộng ông T8 đã trả cho bà T6 05 lần, trong đó 04 lần đầu mỗi lần trả 1.500.000 đồng và lần cuối vào tháng 8 ông T8 đã trả được cho bà T6 số tiền 1.000.000 đồng. Nên tổng đã trả được cho bà T6 số tiền 7.000.000 đồng và còn lại số tiền vẫn chưa trả cho bà T6 là 33.000.000 đồng. Sau đó ông T8 và gia đình đã bán nhà ở Thôn B, xã A, huyện C và về sinh sống tại thôn B, xã L, huyện P, khi đó ông T7 nghe anh T7 nói lại số tiền 40.000.000 đồng mà anh T7 ký vay của bà T6 vào ngày 17/11/2022, ông T7 không trực tiếp nhận tiền mà tiền là bà T6 giao cho ông Dương Viết T9, sinh năm 1977; địa chỉ: không xác định số tiền 40.000.000 đồng vào buổi sáng, đến chiều anh T7 ra viết và ký giấy vay tiền; sau đó ông T7 đã cho ông T9 có mối quan hệ là bạn trai của bà T6 vay lại số tiền 40.000.000 đồng, ông T9 cũng ký giấy vay tiền của anh T7 cũng vào cùng ngày 17/11/2022. Do nghĩ bà T6 và ông T9 sống chung với nhau nhưng

không có mối quan hệ vợ chồng và cố tình lừa anh T7 nên từ đó đến nay ông T8 không tiếp tục trả tiền số tiền còn lại cho bà T6. Nay bà T6 khởi kiện để yêu cầu ông T8 phải có nghĩa vụ trả tiếp số tiền còn lại 33.000.000 đồng. Ông T8 chỉ đồng ý trả cho bà T6 50% của số tiền nợ mà ông T7 đã vay bà T6, tức chỉ đồng ý trả 20.000.000 đồng vì tiền vay về anh T7 đã cho anh Dương Viết T9 vay lại. Ông T8 chỉ đồng ý trả lại toàn bộ số tiền 40.000.000 đồng cho bà T6 khi nào anh T7 đã đòi lại được tiền của anh Dương Viết T9. Ngoài ra ông T8 cũng trình bày: Anh T7 cũng biết việc hiện nay bà T6 khởi kiện ông T8 tại Tòa án Phú Riềng để yêu cầu trả tiền, Tòa án cũng đã thông báo thụ lý, triệu tập và tổng đạt các văn bản cho ông T8 cũng như anh T7 nhưng anh T7 thì bận công việc nên không sắp xếp để lên Tòa án làm việc được. Đối với việc anh T7 cho ông T9 vay lại số tiền 40.000.000 đồng thì anh T7 sẽ khởi kiện ông T9 để giải quyết thành vụ án khác.

Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã niêm yết hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tổng Văn T7. Theo đó căn cứ Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập đương sự làm việc, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải...nhưng anh T7 vắng mặt, không có lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T6, bị đơn ông Tổng Văn T8 có đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tổng Văn T7 vắng mặt phiên tòa (lần 02) không có lý do.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tham gia phiên tòa trình bày: (Có bản phát biểu riêng).

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T6. Buộc bị đơn ông Tổng Văn T7 phải có nghĩa vụ trả cho bà T6 số tiền nhận thực thiện nghĩa vụ trả nợ thay nhưng chậm trả với số tiền còn lại là 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng).

- *Về án phí*: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét thấy, đây là vụ kiện dân sự “*Tranh chấp hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ*” do bà Nguyễn Thị Ánh T6 thực hiện quyền khởi kiện; người bị kiện ông Tống Văn T10 có địa chỉ và nơi cư trú tại: Thôn B (thôn A cũ), xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T7 theo quy định pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa, anh T7 vắng mặt (lần 02) không có lý do. Nguyên đơn bà T6, bị đơn ông T10 đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ lời khai thống nhất của nguyên đơn bà T6 và thừa nhận của bị đơn ông T10 cùng chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp là Giấy vay tiền lập ngày 17/11/2022 (BL 25), cho thấy: Do có mối quan hệ quen biết, nên vào ngày 17/11/2022, ông Tống Văn T7 đã ký giấy vay của bà Nguyễn Thị Ánh T6 số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), thời hạn vay là 30 tháng tính từ ngày cho vay. Giấy vay nợ do ông T7 viết và ký tên. Nhưng khi đến hạn trả tiền, ông T7 không trả nên bà T6 đã khởi kiện ông T7 và đã được Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai giải quyết theo vụ án dân sự thụ lý số 07/2023/TLST-DS ngày 15/02/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T6 và bị đơn anh Tống Văn T7.

Ngày 13/3/2023, ông T10 và bà T6 đã tự nguyện ký kết biên bản thỏa thuận về việc thay thế nghĩa vụ dân sự, tức hợp đồng nhận chuyển giao nghĩa vụ với nội dung: Ông T10 nhận thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T6 thay cho anh T7, nên giấy vay nợ mà anh T7 ký vay nợ bà T6 ngày 17/11/2022 hết hiệu lực kể từ ngày 13/3/2023, ông T10 và bà T6 tự nguyện thỏa thuận lại: Bên thay thế nghĩa vụ là ông T10 đồng ý nhận trả cho bà T6 số tiền 40.000.000 đồng thay cho anh T7, là số tiền theo giấy nợ mà anh T7 đã ký kết với bà T6; phương thức trả mỗi tháng ông T10 trả cho bà T6 1.500.000 đồng, cho đến khi trả đủ số tiền trên, hình thức trả chuyển khoản cho bà T6 theo số tài khoản 7562567568888 của bà T6 mở tại Ngân hàng Q.

Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận về việc nhận thực hiện nghĩa vụ chuyển giao thỏa thuận giữa bên thế nghĩa vụ là ông T10 (đồng ý nhận thực hiện nghĩa vụ trả

nợ thay cho anh T7, được bên có quyền là nguyên đơn cũng là bên cho vay bà T6 đồng ý). Việc thỏa thuận này hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái quy định pháp luật. Về hình thức thỏa thuận này đã được lập thành văn bản, có chữ ký của các bên. Như vậy, thỏa thuận trên là việc thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ, phù hợp với pháp luật và được quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật đối với các bên. Theo đó ông T10 là người thế nghĩa vụ, phải có nghĩa vụ trả số tiền 40.000.000 đồng cho bà T6, theo quy định tại khoản 2 điều luật này. Cụ thể, điều luật quy định: *“Khi được chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ”*.

Xét việc thực hiện nghĩa vụ nhận chuyển giao giữa các bên: Lời khai của nguyên đơn bà T6, bị đơn ông T10 đều thống nhất xác định: ông T10 đã tự nguyện trả tiền cho bà T6 vào các ngày 25/3/2023; 09/5/2023; 09/6/2023; 14/7/2023 mỗi lần trả 1.500.000 đồng và lần cuối vào tháng 8 ông T10 đã trả được cho bà T6 thêm số tiền 1.000.000 đồng, tổng cộng ông T10 đã trả cho bà T6 05 lần với số tiền 7.000.000 đồng và còn lại số tiền vẫn chưa trả cho bà T6 là 33.000.000 đồng. Lời khai của các đương sự phù hợp với giấy nhận tiền có chữ ký của bà T6 do ông T10 cung cấp.

Quá trình thụ lý vụ án, bị đơn ông T10 trình bày thừa nhận kể từ tháng 9 năm 2023 đến nay đã vi phạm thỏa thuận về thời hạn trả nợ đối với bà T6 nên nay bà T6 khởi kiện yêu cầu ông T10 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền còn lại là 33.000.000 đồng cũng như trình bày về lý do mà ông T10 không tiếp tục trả tiền cho bà T6 là vì anh T7 nói về việc chỉ ký giấy vay nợ nhưng không nhận số tiền vay 40.000.000 đồng của bà T6 mà người nhận số tiền vay là ông Dương Viết T9 là bạn của ông T7 và cũng là bạn trai của bà T6. Tuy nhiên, mặt khác ông T10 cũng trình bày sự việc anh T7 đã cho anh Dương Viết T9 vay lại số tiền trên kèm theo bản sao (đã đối chiếu bản gốc) giấy vay tiền lập ngày 17/11/2022, giữa bên cho vay là anh Tống Văn T7 và bên vay là anh Dương Viết T9 đối với số tiền 40.000.000 đồng. Ngoài ra ông T7 cũng trình bày về việc anh T7 sẽ khởi kiện anh T9 bằng vụ án khác để buộc ông T9 trả lại số tiền đã cho ông T9 vay là 40.000.000 đồng. Do đó hội đồng xét xử xét thấy lý do ông T10 đưa ra để chỉ đồng ý trả cho bà T6 ½ số tiền mà trước đây ông T10 đã đồng ý nhận thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho anh T7 là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Xét thấy việc ông T10 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, vi phạm thỏa thuận cam kết theo văn bản nhận thực hiện nghĩa vụ chuyển giao do đó cần buộc ông T10 phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền còn lại cho bà T6 theo yêu cầu khởi kiện là phù hợp, có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Xét ý kiến của bị đơn ông T10 về việc chỉ đồng ý trả cho bà T6 1/2 số tiền mà ông T7 vay của bà T6 tức chỉ trả thêm cho bà T6 13.000.000 đồng cũng như bị đơn

ông T10 còn đưa ra ý kiến bị đơn ông T10 đồng ý trả đủ cho bà T6 số tiền còn lại khi anh T7 khởi kiện đòi anh T9 số tiền mà anh T7 đã cho anh T9 vay lại là không có cơ sở nên không được chấp nhận,

Hội đồng xét xử xét thấy: Có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà T6. Buộc ông T10 phải có nghĩa vụ trả cho bà T6 số tiền còn lại chưa trả là 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng).

Tách việc vay tiền giữa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T7 với ông Dương Viết T9 để giải quyết vụ án khác theo quy định.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị đơn ông T10 là người cao tuổi nên miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

- Nguyên đơn bà T6 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Quan điểm của Đại diện viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 217, 227, 229, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 116; 117; 119 và Điều 370, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T6;

Buộc bị đơn ông Tống Văn T8 phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T6 số tiền nhận chuyển giao nghĩa vụ chưa thực hiện là 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Tống Văn T8 được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ánh T6 số tiền tạm ứng án phí 825.000 đồng (*T11 trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0011014 ngày 10/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát ND huyện Phú Riềng ;
- Chi cục THA Dân sự huyện Phú Riềng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Hùng Dũng